

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI LĂNG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30/6/2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Bùi Diệu Lương.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Hùng Mạnh.

+ Ông Văn Viết Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn P Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị V; địa chỉ: MP76 tổ 43, khu phố 4, phường H, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Võ Văn Đ; địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/3/2021 và bản tự khai, nguyên đơn chị Trần Thị V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Võ Văn Đ kết hôn vào năm 2016, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống không hạnh phúc. Anh Đ thường nhậu say rồi đập phá đồ đạc, đánh vợ làm phát sinh mâu thuẫn không thể khắc phục được và khiến chị không còn tình cảm với anh Đ nữa. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 4/2021 cho đến nay và không liên lạc để hàn gắn tình cảm. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là cháu Võ Gia P, sinh ngày 22/11/2014, hiện đang ở với anh Đ. Chị V có nguyện vọng giao cháu Võ Gia P cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để cháu được ổn định việc học

hành và cuộc sống hiện tại. Chị V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án được Tòa án nhân dân quận 12, thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và ra quyết định chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng giải quyết theo thẩm quyền vì qua xác minh thì anh Đ đang cư trú tại thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đ nhưng anh Đ không cung cấp cho Tòa án ý kiến bằng văn bản về yêu cầu khởi kiện của chị V, đồng thời vắng mặt, không đến tham gia các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa hôm nay, chị V vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh Võ Văn Đ có mặt tại phiên tòa và trình bày ý kiến:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị V kết hôn vào năm 2016, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc do không hòa hợp tính tình. Nay chị V xin ly hôn, anh Đ đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị V có một con chung là cháu Võ Gia P, sinh ngày 22/11/2014. Hiện nay cháu P đang ở với anh Đ và anh có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P. Đối với nguyện vọng cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) của chị V, anh không có ý kiến gì.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 96, 97, 175, 177, 178, 195, 196, 203, 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cụ thể: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý, quan hệ tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng, xác minh, thu thập chứng cứ; thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo các phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, tuân thủ quy định của pháp luật về thời hạn thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử và thực hiện việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát trước khi tham gia phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chị Trần Thị V đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Võ Văn Đ chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn không đến tham gia phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn có mặt tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Chị Trần Thị V và anh Võ Văn Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, vợ chồng đã không sống cùng nhau từ tháng 4/2021. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh Đ là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện, cho chị Trần Thị V được ly hôn với anh Võ Văn Đ. Về con chung: Giao cháu Võ Gia P, sinh ngày 22/11/2014 cho anh Võ Văn Đ nuôi dưỡng, chị Trần Thị V cấp dưỡng nuôi cháu P mỗi tháng 2.000.000 đồng. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Trần Thị V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Sau khi xem xét yêu cầu của nguyên đơn, xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập cho nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn chị Trần Thị V có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị V.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị V và anh Đ kết hôn tự nguyện, hợp pháp và có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, giữa chị V và anh Đ đã xảy ra mâu thuẫn do không hòa hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống. Chị V, anh Đ đã không chung sống với nhau từ tháng 4/2021 cho đến nay và đều có nguyện vọng được ly hôn.

Qua xác minh tình trạng hôn nhân của chị V và anh Đ, Hội Liên hiệp phụ nữ xã H xác nhận: Từ tháng 4/2021, anh Đ cùng cháu Võ Gia P về sinh sống

cùng bố mẹ anh Đ tại thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị, còn chị V vẫn sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh.

Xét thấy mục đích hôn nhân giữa chị V và anh Đ không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V.

[4] Về nuôi con chung: Cháu Võ Gia P hiện đang sinh sống cùng anh Đ tại thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Anh Đ có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu P. Bản thân cháu P cũng có nguyện vọng được ở với anh Đ. Vì vậy, để ổn định việc học và cuộc sống của cháu P, cần giao cháu cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị V có nguyện vọng cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) là phù hợp với các quy định tại các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc nguyên đơn chị Trần Thị V phải chịu án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng theo định kỳ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị V được ly hôn anh Võ Văn Đ.
2. Về nuôi con chung: Giao cháu Võ Gia P, sinh ngày 22/11/2014 cho anh Võ Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Trần Thị V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Võ Gia P mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) kể từ tháng 7/2022 cho đến khi cháu P thành niên và có khả năng lao động.
Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
3. Về án phí: Chị Trần Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng theo định kỳ. Tổng cộng chị V phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số AA/2019/0106301 ngày 23/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Chị V còn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền

phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Hải Lăng;
- THADS huyện Hải Lăng;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Bùi Diệu Lương